

**CÔNG TY TNHH DU LỊCH LUXTRIPS VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DU LỊCH LUXTRIPS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LUXTRIPS VIET NAM TRAVEL COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LUXTRIPS

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108882318

**3. Ngày thành lập:** 29/08/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 4, Ngõ 850 Đường Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website: *luxtrips.vn*

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4632     |
| 2.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4633     |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ Đấu giá hàng hóa)                                                                                                                                                                                                                                            | 4610     |
| 4.  | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                            | 4690     |
| 5.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô | 4932     |
| 6.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4933     |
| 7.  | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5021     |
| 8.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5022     |
| 9.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(trừ kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                            | 5210     |
| 10. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5224     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn;<br>Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;<br>Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày;<br>Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5510        |
| 12. | Cơ sở lưu trú khác<br>Chi tiết: - Chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động, lều quán, trại dùng để nghỉ tạm;<br>- Cơ sở lưu trú khác chưa được phân vào đâu:<br>+ Dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú ngắn hạn hoặc dài hạn cho khách thuê trọ như: Nhà trọ cho công nhân, toa xe đường sắt cho thuê trọ, các dịch vụ cung cấp cơ sở lưu trú khác chưa kể ở trên.                                                                                                                                                                                         | 5590        |
| 13. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5610        |
| 14. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5621        |
| 15. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5629        |
| 16. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5630        |
| 17. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5229        |
| 18. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7911        |
| 19. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7912        |
| 20. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch<br>Chi tiết:<br>- Cung cấp các dịch vụ đặt chỗ liên quan đến hoạt động du lịch: vận tải, khách sạn, nhà hàng, cho thuê xe, giải trí và thể thao;<br>- Cung cấp dịch vụ chia sẻ thời gian nghỉ dưỡng;<br>- Hoạt động bán vé cho các sự kiện sân khấu, thể thao và các sự kiện vui chơi, giải trí khác;<br>- Cung cấp dịch vụ hỗ trợ khách du lịch: cung cấp thông tin du lịch cho khách, hoạt động hướng dẫn du lịch;<br>- Hoạt động xúc tiến du lịch. | 7990(Chính) |
| 21. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7710        |
| 22. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7721        |

